

NHẬP KHẨU MÁY TÍNH VÀ LINH KIỆN ĐIỆN TỬ TỪ THỊ TRƯỜNG EU

“TĂNG TRONG THÁNG 11/2023

THÁNG 11
2023

Đơn vị thực hiện:

**VỤ CHÍNH SÁCH THƯƠNG MẠI ĐA BIÊN
TRUNG TÂM THÔNG TIN CÔNG NGHIỆP VÀ THƯƠNG MẠI**

54 Hai Bà Trưng, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội

☎ 024. 22 205 420 - 024. 22 202 245

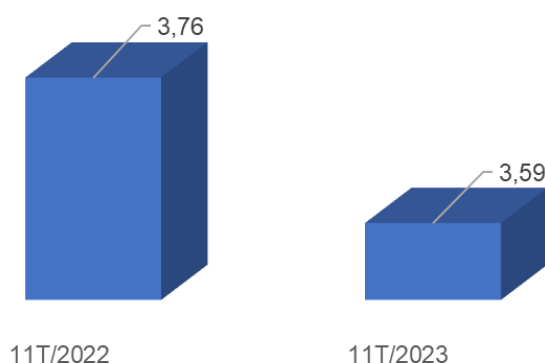
✉ wto_mtpd@moit.gov.vn

🌐 <https://fta.gov.vn>

Nhập khẩu máy tính, sản phẩm và linh kiện điện tử từ EU có xu hướng tăng trong những tháng cuối năm. Kim ngạch nhập khẩu nhóm hàng tăng 20,71% so với tháng 10/2023 và tăng 55,65% so với tháng 11/2022.

Tuy nhiên tổng kim ngạch nhập khẩu nhóm hàng từ EU trong 11 tháng năm 2023 vẫn giảm 12,73% so với cùng kỳ năm ngoái. Tỷ trọng về trị giá nhập khẩu nhóm hàng từ EU trong tổng trị giá nhập khẩu máy tính, sản phẩm và linh kiện điện tử 11 tháng năm nay cũng giảm so với cùng kỳ năm trước.

Tỷ trọng nhập khẩu máy tính và linh kiện điện tử từ EU trên tổng nhập khẩu ngành hàng của Việt Nam trong 11 tháng đầu năm 2022-2023



Nguồn: Thống kê từ số liệu hải quan

Trong cơ cấu các nguồn cung máy tính, sản phẩm và linh kiện điện tử khối EU, Ailen luôn là nguồn cung nhóm hàng lớn nhất trong khối cho Việt Nam, chiếm 88,92% tổng trị giá nhập khẩu nhóm hàng từ các nguồn cung khối EU trong 11 tháng năm 2023.

Kim ngạch nhập khẩu máy tính và linh kiện điện tử từ các nguồn cung khối EU tháng 11/2023 và 11T/2023

Nguồn cung	T11/2023 (nghìn USD)	11T/2023 (nghìn USD)	So sánh (%)			Tỷ trọng (%)	
			So T10/2023	So T11/2022	So 11T/2022	11T/2023	11T/2022
NK từ EU	295.076	2.863.567	20,71	55,65	-12,73	100,00	100,00
Ai Len	257.240	2.546.386	27,81	35,69	-12,28	88,92	88,47
Đức	10.229	161.466	-41,62	-94,60	-25,67	5,64	6,62
Pháp	2.899	23.168	4,06	-98,47	-10,32	0,81	0,79
CH Séc	1.882	17.846	55,77	-99,01	-18,96	0,62	0,67
Italia	1.850	17.251	32,22	-99,02	17,94	0,60	0,45
Rumani	2.152	16.874	0,10	-98,86	210,51	0,59	0,17
Áo	2.121	15.995	16,23	-98,88	43,52	0,56	0,34

Nguồn cung	T11/2023 (nghìn USD)	11T/2023 (nghìn USD)	So sánh (%)			Tỷ trọng (%)	
			So T10/2023	So T11/2022	So 11T/2022	11T/2023	11T/2022
Phần Lan	8.912	9.323	0,00	-95,30	488,48	0,33	0,05
Tây Ban Nha	652	9.130	27,01	-99,66	3,56	0,32	0,27
Hunggary	898	7.419	0,10	-99,53	-54,79	0,26	0,50
Látvia	605	5.751	0,10	-99,68	348,77	0,20	0,04
Ba Lan	1.754	5.128	12,11	-99,07	46,48	0,18	0,11
Bungari	463	5.105	0,10	-99,76	-60,19	0,18	0,39
Hà Lan	1.037	4.541	65,84	-99,45	-50,95	0,16	0,28
Bỉ	864	3.791	-42,26	-99,54	-30,30	0,13	0,17
Đan Mạch	666	3.467	81,29	-99,65	-42,06	0,12	0,18
Slovakia	143	3.415	0,10	-99,92	404,70	0,12	0,02
Slovenia	441	3.354	0,10	-99,77	-33,44	0,12	0,15
Thụy Điển	98	2.623	7,66	-99,95	-44,98	0,09	0,15
Hy Lạp	15	645	0,10	-99,99	37.310,31	0,02	0,00
Luxembua	126	631	0,10	-99,93	24,42	0,02	0,02
Bồ Đào Nha	16	158		-99,99	19,33	0,01	
Síp	10	74		-99,99			
Lithuania	1	15					

Nguồn: Thống kê từ số liệu hải quan

Nhập khẩu một số chủng hàng vẫn có sự tăng trưởng mạnh dù kim ngạch nhập khẩu máy tính và linh kiện điện tử từ các thị trường EU trong 11 tháng năm nay giảm so với cùng kỳ năm ngoái.

Các loại mạch tích hợp điện tử (không bao gồm bộ xử lý, bộ điều khiển, bộ nhớ và bộ khuếch đại) có mã HS 854239 là chủng hàng được nhập về nhiều nhất (chiếm 25% tỷ trọng trên tổng kim ngạch nhập khẩu nhóm hàng từ các nguồn cung khối EU, đạt 197,68 triệu USD trong 11 tháng năm 2023), được nhập chủ yếu từ Phần Lan, Pháp, Đức.

Đáng chú ý, tuy trị giá nhập khẩu không cao nhưng tăng trưởng nhập khẩu mạnh nhất là các loại ống nhiệt điện và ống catốt khác có mã HS 854089, chỉ chiếm 0,24% tổng trị giá nhập khẩu nhóm hàng máy tính và linh kiện điện tử từ EU nhưng tăng gấp 22 lần so với 11 tháng đầu năm 2022, nhập khẩu chính từ Slovakia và một phần nhỏ từ Đức và Italia.

Một số chủng hàng máy tính và linh kiện điện tử từ EU có trị giá nhập khẩu trên 5 triệu USD trong 11 tháng đầu năm 2023

Mã HS	Mô tả	T11/2023 (nghìn USD)	11T/2023 (nghìn USD)	So sánh (%)		
				So T10/2023	So T11/2022	So 11T/2022
854.239	Mạch tích hợp điện tử - Loại khác	20.244	197.676	9,59	-30,36	-15,79
854.149	Máy móc, thiết bị điện và các bộ phận của chúng; máy ghi và tái tạo âm thanh, máy ghi và tái tạo hình ảnh và âm thanh truyền hình, các bộ phận và phụ kiện của những sản phẩm đó Thiết bị bán dẫn (ví dụ, diốt, bóng bán dẫn, bộ chuyển đổi dựa trên chất bán dẫn); thiết bị bán dẫn cảm quang, kể cả tế bào quang điện đã hoặc chưa lắp ráp thành các mảng module hoặc thành bảng; diốt phát sáng (LED), có hoặc không lắp ráp với diốt phát sáng (LED) khác; gắn tinh thể áp điện	30.198	165.880	163,84		
852.990	Bộ phận (trừ ăng-ten và gương phản xạ) để sử dụng với thiết bị truyền vô tuyến, radar, thiết bị dẫn đường vô tuyến, thiết bị thu và truyền hình, các thiết bị khác	7.422	110.130	-21,37	256,74	55,81
854.231	Bộ xử lý và bộ điều khiển - Mạch tích hợp điện tử	4.102	54.285	16,52	81,59	25,12
854.232	Bộ nhớ - Mạch tích hợp điện tử	49	49.285	-20,69	-46,70	104,73
847.170	Bộ lưu trữ xử lý dữ liệu tự động, Nesoi	10.062	42.720	148,36	107,47	-17,88
852.859	Màn hình, Không tích hợp thiết bị thu sóng truyền hình, Loại khác	762	26.536	27,97	8,56	14,87
853.400	Mạch in	4.750	19.265	136,41	232,67	48,78
854.290	Bộ phận cho mạch tích hợp điện tử và vi mạch	202	8.963	-23,01	-81,21	-93,28
844.332	Máy in loại khác, có khả năng kết nối với máy xử lý dữ liệu tự động hoặc kết nối mạng		6.754			-6,33
847.190	Máy xử lý dữ liệu tự động và các khối chức năng của chúng	254	6.722	-41,60	-57,78	-11,37

Nguồn: Thống kê từ số liệu hải quan